TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc T1

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Minh và ông Lê Hữu Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS, ngày 08/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Vũ Trọng H1 - Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng C và bà Vũ Thị K (đã chết); Có vợ là Đỗ Thị N và có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân:

- Ngày 30/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", (đánh bạc dưới 5.000.000đ) đương nhiên được xóa án tích.

- Ngày 25/4/2017 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội xử phạt 03 tháng tù về tội "Đánh bạc", ngày 22/12/2017 chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/02/2024 đến ngày 17/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Vũ Trọng H2 - Sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng H và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Có vợ là Lê Thị T và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 18/3/2024 được thay thế biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt tại phiên tòa.

3/ Vũ Trọng S1 - Sinh năm: 1999; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng T và bà Vũ Thị T; Chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 18/3/2024 được thay thế biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt tại phiên tòa.

4/ Vũ Anh T1 - Sinh năm: 2004; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng N và bà Vũ Thị H; Chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 18/3/2024 được thay thế biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt tại phiên tòa.

5/ Vũ Trọng H3 - Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng C và bà Vũ Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị N và chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 18/3/2024 được thay thế biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt tại phiên tòa.

6/ Vũ Trọng H4 - Sinh năm: 2003; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng H và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2024 đến ngày 18/3/2024 được thay thế biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt tại phiên tòa.

7/ Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; Chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8/ Nguyễn Văn T2 - Sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 2/12; Dân tộc:

Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Bùi Thị L và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

9/ Vũ Trọng T3 - Sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trọng L và bà Nguyễn Thị L; Chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại**: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1992; Nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn trong việc trả tiền công của vợ Vũ Trọng H1 (sinh năm 1983) là Đỗ Thị N (sinh năm 1990, ở thôn T, xã T, huyện T) và Nguyễn Văn T2 nên giữa H1 và T2 cãi nhau trên điện thoại và hẹn đến quán cà phê ở xã Đ để nói chuyện. Khoảng 19 giờ ngày 07/02/2024 (ngày 28/12/2023 âm lịch), Vũ Trọng H1 cầm theo một con dao phay, dài khoảng 40cm, đi từ nhà ông Vũ Trọng N, ở cùng thôn để lên giá để chân xe mô tô rủ thêm em họ là Vũ Trọng T3 đi cùng. H1 chở T3 đi đến quán karaoke B, ở cùng thôn rủ thêm Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H2 (sinh năm 1992), Vũ Trọng H4, Vũ Anh T1, Vũ Trọng T4, Vũ Trọng S1, Vũ Trọng T5 nói là đi đến quán cà phê xã Đ để tìm T2 nói chuyện. Đến quán cà phê thì không gặp T2, sau đó cả nhóm đi đến nhà T2, ở thôn Q, xã Đ, huyện T. Khi đi đến khu vực ngã tư đường liên thôn thuộc thôn Q, xã Đ, huyện T thì cả nhóm dừng lại hỏi thăm nhà T2 thì thấy Nguyễn Văn S2, sinh năm 1995, ở thôn Q, xã Đ, huyện T (là em rể T2) bế con đi ra, Vũ Trọng T3 đi đến, lấy ảnh của T2 trong điện thoại ra hỏi S2 có biết T2 không thì S2 bảo "*tôi là T2 đây*". T3 và Vũ Trọng H1 (1983) chạy lại dùng tay đấm nhiều cái vào mặt và người S2, Vũ Trọng H2 (1992) cũng chạy đến dùng tay đấm S2. Lúc này, S2 hô hoán thì Nguyễn Văn P, sinh năm 1989, ở thôn Q, xã Đ và một số người phụ nữ từ trong nhà chạy ra. H4 bên xô xát đánh nhau, hô hoán gây huyên náo tại khu vực dân cư. Trong đó, Vũ Trọng S1 nhặt một viên gạch vỡ ở đường đánh Nguyễn Văn P vào đầu; Vũ Trọng H2 (1992) dùng gậy gỗ lấy được của người dân đánh nhóm thanh niên Đ và dùng tay đấm T2, cầm điếu cày chạy trên đường; Vũ Trọng H1 (1983) dùng dao mang theo chém L vào tay trái; Vũ Anh T1, Vũ Trọng H4, Vũ Trọng H3

thấy nhóm thanh niên xã mình dùng hung khí đánh nhau nhưng vẫn lao vào, cùng tham gia đánh nhóm thanh niên xã Đ bằng tay chân. Nhóm thanh niên xã Đ bị đánh thì lao vào giằng co, một số người phụ nữ vào can ngăn. Nguyễn Văn L (anh trai S2) đi chơi về thấy em bị đánh đã dừng xe xuống dùng tay chân đánh nhau với nhóm thanh niên xã T và cùng P, S2 đánh Vũ Trọng T3, T3 bị đấm vào mặt nên ngã xuống đất bất tỉnh và tiếp tục bị các đối tượng dùng chân đạp vào mặt, người; Nguyễn Văn T2 từ trong nhà chạy ra thấy đánh nhau đã chạy quay vào nhà lấy điếu cày ra đưa cho L để L đánh nhau và T2 tiếp tục nhặt viên gạch ở đường để đánh nhóm thanh niên xã T. Hậu quả, Vũ Trọng T3, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L bị thương phải đi điều trị tại cơ sở y tế, những người còn lại bị thương tích nhẹ, không đi điều trị tại cơ sở y tế và từ chối giám định thương tích. Ngày 08/02/2024, Vũ Trọng H1 (1983), Vũ Trọng H2 (1992), Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H4, Vũ Trọng H3 đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú; H1 (1983) giao nộp 01 con dao là công cụ phạm tội (BL: 10, 35, 65, 94, 123, 152, 355-480).

Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Nguyễn Văn L hồi 18 giờ ngày 08/02/2024, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa phát hiện các dấu vết gồm:

- 01 vết thương tại cẳng tay trái, máu phun thành tia, kích thước 03x08cm, bờ gọn, đáy sâu.

- 01 vết thương chảy máu vùng đầu 01x05cm, bờ gọn, đáy nông. (BL: 252)

Ngày 03/4/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn L. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 2536/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "*Sẹo vết thương vùng giữa đỉnh kích thước nhỏ: 01%; Sẹo vết thương + phẫu thuật mặt trước trong 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước trung bình, đứt gân gấp chung các ngón đã nối phục hồi: 02%; Đứt mạch máu trụ trái đã khâu nối, kết quả tốt không có biểu hiện thiếu máu nuôi dưỡng bên dưới 05%; Tổn thương bán phần thần kinh trụ trái: 21%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn L tại thời điểm giám định là **27%**."*(BL: 252-283)

Cùng ngày 03/4/2024, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Trọng T3 và Nguyễn Văn P.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 2535/KL-KTHS ngày 12/4/2024 đối với Vũ Trọng T3 xác định *"tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Vũ Trọng T3 tại thời điểm giám định là **12%**."* (BL: 308-334)

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 2539/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, đối với Nguyễn Văn P

xác định *"tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyên Văn P tại thời điểm giám định là **02%**."* (BL: 285-307)

Báo cáo của Trưởng thôn Q, Công xã và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T thể hiện: Hành vi xô xát đánh nhau giữa hai nhóm thanh niên xã T và Đ làm nhiều người bị thương. Gây ồn ào, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Thời điểm xảy ra vụ việc có nhiều người dân đang chuẩn bị đón tết Nguyên Đán, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. (BL: 01-03)

Hồi 22 giờ 15 phút ngày 07/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn tiến hành khám nghiệm hiện trường xảy ra vụ án, là ngã tư đoạn đường nhựa và đường bê tông liên thôn thuộc thôn Q, xã Đ, huyện T. Mặt đường rải nhựa bằng phẳng rộng 06m, hai bên là khu dân cư, mặt đường bê tông rộng 04m, có hệ thống đèn điện chiếu sáng. Tại vị trí nắp bê tông trên mương nước bên cạnh nhà anh Lê Văn Q, phát hiện và thu giữ 01 chiếc điếu cày bằng tre đã qua sử dụng, dài 75cm, đường kính 4,5cm, phần nỏ bị mất, phần thân điếu tại vị trí đầu, giữa thân nỏ và phần cuối cùng của điếu được bọc kim loại màu vàng. (BL: 250)

Hồi 23 giờ 45 phút ngày 07/02/2024, Cơ quan điều tra đã trích xuất nội dung dữ liệu camera an ninh do Công an xã Đ quản lý, ký hiệu "*D27 đường xã QaNh2*" trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 22 giờ ngày 07/02/2024. Hồi 09 giờ ngày 08/02/2024, Cơ quan điều tra đã trích xuất nội dung dữ liệu camera an ninh của gia đình anh Lê Văn Q, ở thôn Q, xã Đ, huyện T trong khoảng thời gian từ 21 giờ 09 phút đến 21 giờ 23 phút 30 giây ngày 07/02/2024. Kiểm tra dữ liệu video thu giữ có thể quan sát thấy diễn biến sự việc đánh nhau xảy ra trong khoảng thời gian khoảng 05 phút. Kết luận giám định số 1635/KL-KTHS ngày 23/4/2024 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận không có dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong hai tệp video gửi giám định. (BL: 348-354)

Về vật chứng: Đối với 04 xe mô tô mà các đối tượng đi đến hiện trường, quá trình điều tra xác định không thuộc sở hữu của các bị can. Chủ phương tiện khi cho mượn không biết mục đích của các bị can nên Cơ quan điều tra không thu giữ. Đối với điếu cày Nguyễn Văn T2 lấy từ nhà T2 ra để đánh nhau, dao phay Vũ Trọng H1 (1983) mang theo chuyển bảo quản chờ xử lý; đối với viên gạch T2 và S1 sử dụng và gậy gỗ Vũ Trọng H2 (1992) sử dụng để đánh nhau, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được. Đối với 02 video được lưu trữ trong hai thẻ nhớ đưa vào hồ sơ vụ án. (BL: 354)

Về dân sự: Gia đình Vũ Trọng H1 (1983) đã bồi thường cho Nguyễn Văn L số tiền 100.000.000đ, L không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

* Cáo trạng số 45/CT - VKS - TS ngày 08/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Vũ Trọng H1 (1983), Vũ Trọng H2 (1992), Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H4, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T2 về tội "Gây rối trật tự công cộng", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; Vũ Trọng T3 đã phạm vào khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Truy tố Vũ Trọng H1 (1983) còn phạm vào tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Trọng H1 (1983), Vũ Trọng H2 (1992), Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H4, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 và Vũ Trọng T3 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng", theo quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Vũ Trọng H1 (1983) phạm tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 55 và Điều 38 (điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Vũ Trọng H1 sinh năm 1983 về tội "Cố ý gây thương tích"; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với tội "Gây rối trật tự công cộng").

Xử phạt Vũ Trọng H1 (1983) từ 30 tháng đến 33 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt chung từ 45 tháng đến 51 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/02/2024.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với H2 (1992), S1, T1, H3, H4, T2, L.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H2 (1992) từ 27 tháng đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng S1 từ 27 tháng đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Vũ Anh T1 từ 25 tháng đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H3 từ 25 tháng đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H4 từ 25 tháng đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 25 tháng đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 25 tháng đến 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với T3.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng T3 từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về dân sự: Vũ Trọng H1 (1983) đã bồi thường cho L.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 điếu cày và 01 dao phay.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội, thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận cụ thể như sau:

Do có mâu thuẫn trong việc trả tiền công đi làm giữa Nguyễn Văn T2 và vợ Vũ Trọng H1 (1983) nên tối ngày 07/02/2024, H1 đã rủ Vũ Trọng T3, Vũ Trọng S1, Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H4, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H2 (1992) và một số đối tượng khác đi tìm T2 để giải quyết. Khi đến ngã tư đường liên thôn thuộc thôn Q, xã Đ, huyện T, trong khoảng thời gian từ 21 giờ 11 phút đến 21 giờ 16 phút ngày 07/02/2024, hai bên xô xát, đánh nhau, Vũ Trọng H1 dùng dao chém

vào tay Nguyễn Văn L gây thương tích làm L tổn hại 27% sức khỏe, Vũ Trọng S1 dùng viên gạch đánh vào đầu Nguyễn Văn P, Vũ Trọng H2 (1992) dùng gậy gỗ lấy được của người dân đánh nhóm thanh niên Đ và dùng tay đấm T2, cầm điếu cày chạy trên đường. Cùng lúc đó, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H4, Vũ Trọng H3 dùng tay chân đánh nhóm thanh niên xã Đ. Vũ Trọng T3 sau khi dùng tay đấm Nguyễn Văn S2 thì bị S2, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn P dùng tay chân đánh bất tỉnh. Nguyễn Văn L dùng điếu cày, Nguyễn Văn T2 dùng gạch đánh nhóm thanh niên xã T. Ngoài ra các đối tượng trên còn dùng tay chân đánh lộn, hô hoán gây mất trật tự tại khu vực dân cư nơi xảy ra vụ việc.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với Biên bản hiện trường, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Vũ Trọng H1 (1983), Vũ Trọng H2 (1992), Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H4, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 dùng hung khí nguy hiểm, lùa đuổi nhau, hò hét, chửi mắng, đánh nhau gây náo loạn tại ngã tư đường liên thôn thuộc thôn Q, xã Đ, nên phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Vũ Trọng T3 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Vũ Trọng H1 (1983) dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Nguyễn Văn L tổn hại 27% sức khỏe, nên phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xuất phát từ mâu thuẫn nhất thời, bột phát giữa nhóm của các bị cáo xã T và xã Đ, hai bên xảy ra to tiếng với nhau dẫn đến các bị cáo có hành vi dùng dao, điếu cày, gạch, gậy gỗ tham gia đuổi đánh nhau. Đoạn đường các bị cáo đuổi đánh, chửi mắng và hò hét thuộc ngã tư đường liên thôn thuộc thôn Q, xã Đ, là nơi tập trung đông dân cư, nhiều người qua lại, gây náo loạn khu vực, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân và ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự trên địa bàn.

Vũ Trọng Hùng có hành vi gây thương tích cho Nguyễn Văn L tổn hại 27% sức khỏe. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới sức khỏe của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội.

Do đó cần xử các bị cáo mức án tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, phân công vai trò một cách chặt chẽ. Tất cả các bị cáo đều trực tiếp thực hành hành vi phạm tội, không có người khởi xướng, lôi kéo. Mỗi bị cáo có mức độ hành vi phạm tội khác nhau, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Vũ Trọng H1 là người rủ nhóm xã T đi tìm T2 giải quyết, là người cầm dao chém L nên có vai trò thứ nhất.

S1 dùng viên gạch đánh vào đầu Nguyễn Văn P, Vũ Trọng H2 (1992) dùng gậy gỗ lấy được của người dân đánh nhóm thanh niên Đ và dùng tay đấm T2, cầm điếu cày chạy trên đường. Cùng lúc đó, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H4, Vũ Trọng H3 dùng tay chân đánh nhóm thanh niên xã Đ. Vũ Trọng T3 sau khi dùng tay đấm Nguyễn Văn S2 thì bị S2, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn P dùng tay chân đánh bất tỉnh. Nguyễn Văn L dùng điếu cày, Nguyễn Văn T2 dùng gạch đánh nhóm thanh niên xã T. Các bị cáo là người thực hành tích cực, nên mức hình phạt là ngang nhau.

Bị cáo Vũ Trọng T3 dùng tay đấm Nguyễn Văn S2 thì bị S2, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn P dùng tay chân đánh bất tỉnh nên có vai trò thấp nhất.

Vũ Trọng H1 (1983) gây thương tích cho Nguyễn Văn L nên chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Vũ Trọng T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Vũ Trọng H1 (1983) và gia đình bồi thường thiệt hại cho L là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội "Cố ý gây thương tích".

Vũ Trọng H1 (1983), Vũ Trọng H2 (1992), Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H3 và Vũ Trọng H4 đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú; Vũ Trọng H2 (1992) và Vũ Trọng H4 có ông nội tham gia cách mạng, có ông chú là liệt sỹ, ông chú là thương binh; Vũ Trọng T3 có ông ngoại là thương binh, được tặng huy kháng chiến; Vũ Anh T1 có ông nội được tặng 30 năm tuổi đảng, bà nội tham gia dân công hỏa tuyến, ông bà ngoại được tặng bằng khen tham gia kháng

chiến chống Mỹ; Vũ Trọng S1 có ông nội được tặng huy hiệu 55 năm tuổi đảng, được tặng huy chương kháng chiến, ông bác được tặng huân chương chiến sỹ vẻ vang; Vũ Trọng H3 có ông bà nội tham gia kháng chiến được tặng bằng khen, bố đẻ được tặng bằng khen, giấy khen về sản xuất giỏi; Nguyễn Văn L còn bị tổn hại về sức khỏe do H1 (1983) gây ra; Nguyễn Văn T2 có ông nội được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen; các bị cáo H2 (1992), S1, T1, H3, H4, L, T2 có nhân thân tốt luôn chấp hành mọi chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước và địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận, bị hại L xin giảm nhẹ cho H1 (1983) đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Các bị cáo H2 (1992), S1, T1, H3, H4, L, T2 và T3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sống ở địa phương luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân được chính quyền địa phương xác nhận, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo.

Vũ Trọng H1 (1983) có nhân thân xấu, phạm hai tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo và giáo dục bị cáo. Tuy nhiên đối với tội "Cố ý gây thương tích" bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng Điều 54 BLHS xử mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do bị cáo phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt.

[6] Vật chứng: Đối với 01 điếu cày và 01 dao phay thu giữ. Xét thấy hiện nay đã cũ không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về bồi thường dân sự: Gia đình Vũ Trọng H1 (1983) đã bồi thường cho Nguyễn Văn L số tiền 100.000.000đ, L không có yêu cầu gì thêm về dân sự. Nên không xem xét.

[8] Đối với thương tích của Vũ Trọng T3 tổn hại 12% sức khỏe, quá trình điều tra xác định, T3 bị đánh bằng tay chân, không thuộc trường hợp từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. T3 không yêu cầu khởi tố (BL: 336). Thương tích của P tổn hại 02% sức khỏe, P có đơn không yêu cầu khởi tố (BL: 307) nên Cơ quan điều tra không khởi tố và chuyển xử phạt hành chính theo quy định. Đối với thương tích của những người khác, bị thương nhẹ, không đi điều trị tại cơ sở y tế nên từ chối giám định, không yêu cầu xử lý.

Đối với Vũ Trọng T5, Vũ Trọng T4 đi cùng Vũ Trọng H1 và nhóm thanh niên xã T đi tìm T2 nhưng không tham gia đánh nhau. Khi nhìn thấy sự việc

đánh nhau đã lên xe máy bỏ đi khỏi hiện trường nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 318, Điều 134 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố:

Các bị cáo: Vũ Trọng H1 (sinh năm 1983), Vũ Trọng H2 (sinh năm 1992), Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H4, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 và Vũ Trọng T3 về tội "Gây rối trật tự công cộng";

Bị cáo Vũ Trọng H1 (sinh năm 1983) phạm tội "Cố ý gây thương tích".

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s (b cho tội Cố ý gây thương tích) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; (Điều 54 cho tội Cố ý gây thương tích), 55 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H1 (sinh năm 1983): 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và 16 (Mười sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt của 02 tội là: 46 (Bốn mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2024.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H2 (sinh năm 1992): 28 (H4 tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 56 (Năm sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng S1: 28 (H4 tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 56 (Năm sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vũ Anh T1: 26 (H4 sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (Năm hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H4: 26 (H4 sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (Năm hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vũ Trọng H3: 26 (H4 sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (Năm hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: 26 (H4 sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (Năm hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L: 25 (H4 lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 (năm mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Trọng T3: 16 (Mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (Ba hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Trọng H2 (1992); Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H4 và Vũ Trọng T3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 điếu cày dài 75cm, phần nỏ bị mất, đã qua sử dụng và 01 con dao dài 40cm, cán bằng gỗ đã qua sử dụng.

(Tất cả hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn theo biên bản giao nhận ngày 23/5/2024).

- Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Vũ Trọng H1 (1983), Vũ Trọng H2 (1992), Vũ Trọng S1, Vũ Anh T1, Vũ Trọng H3, Vũ Trọng H4, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T2 và Vũ Trọng T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Tuấn